

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

MAE-INFO

HỆ THỐNG THÔNG TIN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG



Giao diện, công cụ bản đồ, các dạng bản đồ và hướng dẫn theo nhóm chuyên đề
Địa chỉ truy cập: <http://thongtinnnmt.mae.gov.vn>

Hà Nội, tháng 9 năm 2026

MỤC LỤC

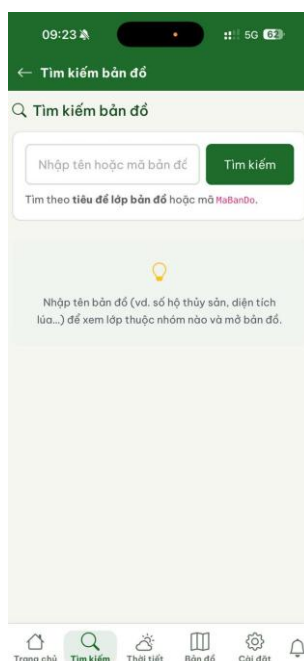
1. Giao diện của MAE-INFO	1
2. Các thao tác chung trên bản đồ.....	1
2.1. Xem chỉ tiêu và chuyển lớp dữ liệu.....	1
2.2. Xem số liệu các cấp	2
3. Các dạng bản đồ chính trong MAE-INFO	3
3.1. Bản đồ dữ liệu cấp tỉnh.....	4
3.2. Bản đồ dữ liệu cấp xã	4
3.3. Bản đồ điểm và thông tin trạm đo, trạm quan trắc	5
3.4. Bản đồ điểm đối tượng, cơ sở.....	6
3.5. Bản đồ điểm xem camera giám sát.....	6
3.6. Bản đồ dữ liệu API (cập nhật tự động).....	7
3.7. Liên kết web chuyên ngành.....	7
4. Hướng dẫn khai thác theo nhóm chuyên đề	8
4.1. Nhóm Thông tin chung.....	8
4.2. Nhóm Khí tượng Thủy văn	8
4.3. Nhóm Môi trường.....	9
4.4. Nhóm Đất đai.....	10
4.5. Nhóm Tài nguyên nước	11
4.6. Nhóm Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	13
4.7. Nhóm Biến đổi khí hậu.....	14
4.8. Nhóm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.....	15
4.9. Nhóm Chăn nuôi và Thú y	16
4.10. Nhóm Lâm nghiệp và Kiểm lâm	17
4.11. Nhóm Thủy sản và Kiểm ngư	19
4.12. Nhóm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.....	20
4.13. Nhóm Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	21
4.14. Nhóm Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi.....	22
4.15. Nhóm Biển và Hải đảo	23
4.16. Nhóm Đề điều và Phòng, chống thiên tai.....	24
4.17. Các nhóm liên kết khác	25
5. Lưu ý khi khai thác và sử dụng số liệu.....	25

1. Giao diện của MAE-INFO

Giao diện MAE-INFO gồm ba vùng cố định: **thanh tiêu đề** (trên cùng), **vùng nội dung** (ở giữa) và **thanh điều hướng** (dưới cùng). Trên máy tính, bố cục giữ nguyên nhưng vùng nội dung được mở rộng theo chiều ngang. Giao diện trên điện thoại được minh họa tại Hình 1 - Hình 3.



Hình 1. Trang chủ MAE-INFO



Hình 2. Trang Tìm kiếm bản đồ



Hình 3. Trang Thời tiết

Người dùng hay làm việc với **Trang chủ** MAE-INFO. Trang chủ gồm các Danh mục bản đồ theo các ngành quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Dữ liệu được tổ chức theo ba cấp: **Nhóm ngành** → **Nhóm con** → **Lớp bản đồ (thể hiện các chỉ tiêu)**. Khi bấm một nhóm ngành, “nhóm con” được hiện ra và người dùng dễ dàng truy cập lớp bản đồ muốn xem. Lớp bản đồ là nơi khai thác dữ liệu chính. Khi vào Bản đồ cụ thể thì người dùng có thể thực hiện một số thao tác để giúp di chuyển bản đồ, lựa chọn bật/tắt chức năng để thuận tiện cho việc tra cứu.

2. Các thao tác chung trên bản đồ

2.1. Xem chỉ tiêu và chuyển lớp dữ liệu

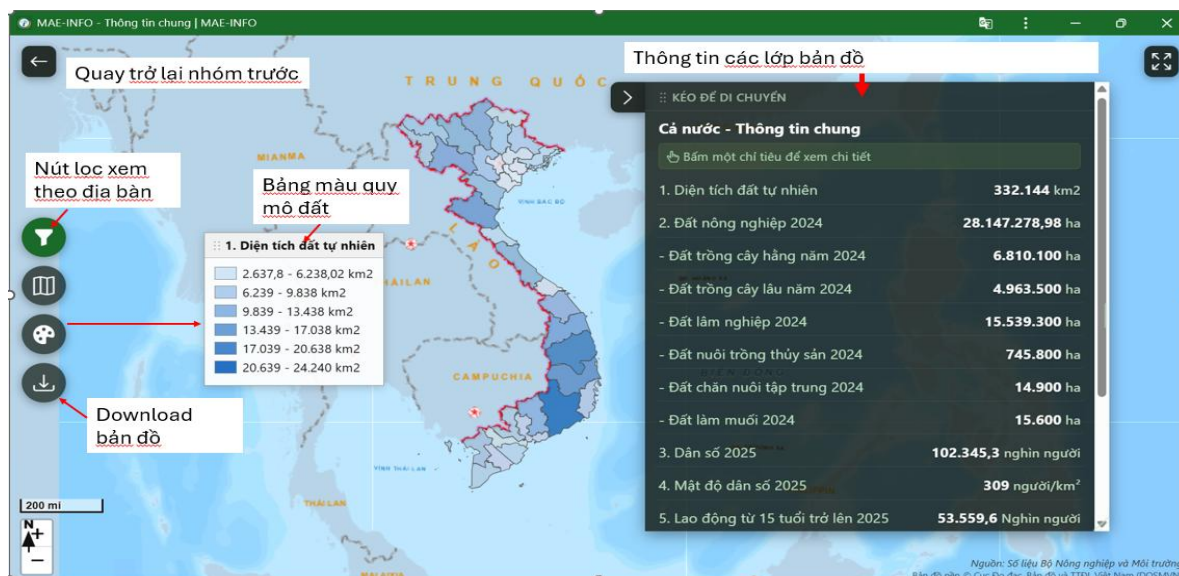
Bước 1: Mở một nhóm bản đồ. Bảng thông tin hiển thị toàn bộ chỉ tiêu của cả nước.

Bước 2: Bấm vào một chỉ tiêu (dòng được tô viền xanh khi chọn). Bản đồ được tô màu theo giá trị chỉ tiêu này.

Bước 3: Thông tin tóm tắt lớp bản đồ xuất hiện: **Thấp nhất** (giá trị và địa bàn), **Cao nhất**, **Tổng**, **Đơn vị có dữ liệu** (ví dụ 34/34).

Bước 4: Bấm **Xem các lớp** để quay về danh sách chỉ tiêu.

Khi vào bản đồ thì một số các ký hiệu (nút chức năng) sẽ xuất hiện để giúp người dùng có thể làm việc với Hệ thống thông tin. Các chú thích các biểu tượng chức năng chính được mô tả trong Hình 4.



Hình 4. Chức năng chính trong lớp bản đồ

2.2. Xem số liệu các cấp

Sau khi vào lớp bản đồ thì tùy theo đặc điểm thông tin sẽ hiện lên các lớp thông tin khác nhau. Với nhiều lớp thông tin sẽ có 03 cấp: cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp xã. Một số thông tin sẽ chỉ có 02 cấp: Quốc gia, cấp tỉnh.

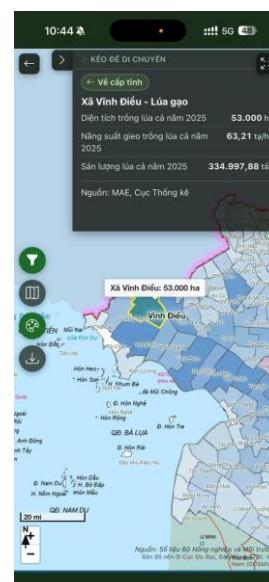
Thông tin đầu tiên khi vào xem một bản đồ sẽ là thông tin cả nước. Khi đang ở lớp thông tin cấp QUỐC GIA, để xem thông tin cấp tỉnh, xã thì người dùng có thể vào biểu tượng Nút lọc để xem theo địa bàn, hoặc có thể click trực tiếp vào TỈNH, XÃ. Hình 5-Hình 6, Hình 7 là ví dụ cho việc muốn truy cập thông tin cấp tỉnh, cấp xã về diện tích, sản lượng lúa khi vào xem các thông tin về lúa gạo trong Nhóm Trồng trọt và BVTV.



Hình 5. Nhấn “Tỉnh An Giang - Bấm để xem cấp xã”



Hình 6. Bản đồ cấp xã của Tỉnh An Giang



Hình 7. Bảng thông tin cấp xã - Xã Vĩnh Điều

3. Các dạng bản đồ chính trong MAE-INFO

Các lớp bản đồ trên MAE-INFO được thể hiện theo sáu dạng. Hiệu đặc điểm từng dạng giúp người dùng chọn đúng thao tác khai thác.

Bảng 1. Tổng hợp các dạng bản đồ trên MAE-INFO

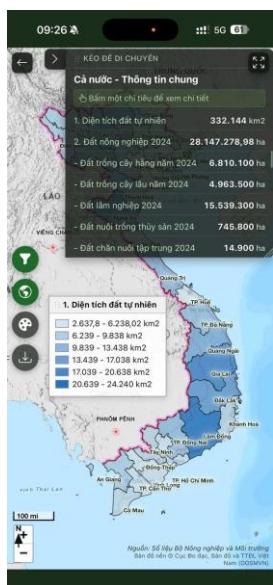
Dạng bản đồ	Cách thể hiện	Nhóm tiêu biểu	Thao tác chính
1. Bản đồ dữ liệu cấp tỉnh	Tô màu 34 tỉnh, thành phố theo khoảng giá trị	Thông tin chung, Đất đai, HTX, Chế biến, Đê điều, Giao biển	Bấm chỉ tiêu; bấm tỉnh; chú giải; lọc
2. Bản đồ dữ liệu cấp xã	Tô màu các xã trong tỉnh được chọn	Lúa gạo và cây trồng, Chăn nuôi, Tàu cá, Cháy rừng (xã)	Bấm tỉnh → bấm để xem cấp xã; lọc Tên xã
3. Bản đồ điểm trạm đo, quan trắc	Biểu tượng trạm, màu theo giá trị đo	Mưa, AQI, Quan trắc phát thải	Bấm trạm xem số liệu, biểu đồ
4. Bản đồ điểm đối tượng, cơ sở	Biểu tượng theo loại đối tượng, gom cụm	VQG, khu bảo tồn, phân bón, thuốc BVTV, ATDB, hồ chứa, điểm cháy	Bấm cụm, bấm điểm xem popup
5. Bản đồ điểm camera giám sát	Biểu tượng máy ảnh, gom cụm	Dữ liệu giám sát (Tài nguyên nước)	Bấm công trình → Xem ngay
6. Bản đồ dữ liệu API	Tô màu theo dữ liệu cập nhật tự động	Hạn hán, xâm nhập mặn; Ngập lụt, úng; Mưa	Xem thời điểm/vụ cập nhật

Ngoài ra, các **liên kết web chuyên ngành** (mục 11.7) mở tới hệ thống bên ngoài để tra cứu sâu hơn.

3.1. Bản đồ dữ liệu cấp tỉnh

Đặc điểm: mỗi tỉnh, thành phố được tô một màu theo khoảng giá trị của chỉ tiêu đang chọn; màu càng đậm giá trị càng cao. Bảng thông tin mặc định hiển thị số liệu cả nước. Phù hợp so sánh giữa các địa phương.

Cách dùng: bấm chỉ tiêu cần xem → bật chú giải để đọc khoảng giá trị → bấm vào tỉnh để xem số liệu chi tiết → dùng **Xem các lớp** để biết tỉnh cao nhất, thấp nhất (Hình 8 - Hình 10).



Hình 8. Chú giải 6 khoảng giá trị diện tích tự nhiên



Hình 9. Tỉnh Lâm Đồng được chọn và chú giải lớp đất nông nghiệp

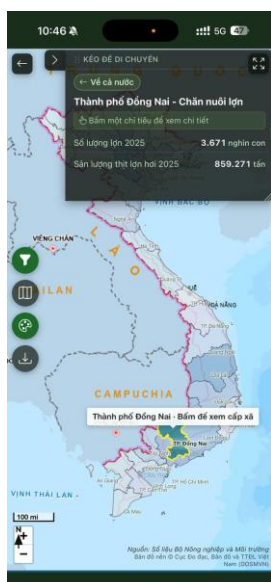


Hình 10. Thẻ tóm tắt lớp: thấp nhất - cao nhất - tổng

3.2. Bản đồ dữ liệu cấp xã

Đặc điểm: hiển thị số liệu đến từng xã, phường, đặc khu trong tỉnh được chọn, trên nền bản đồ hành chính - giao thông. Nhấn khi chọn xã có dạng “Xã ... : giá trị đơn vị”. Đơn vị cấp xã có thể khác cấp tỉnh (ví dụ: cấp tỉnh dùng nghìn ha, nghìn tấn; cấp xã dùng ha, tấn, tạ/ha).

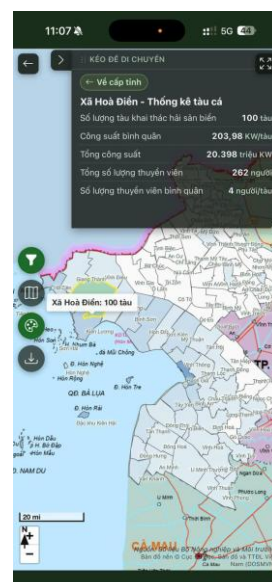
Cách dùng: bấm tỉnh → bấm lần nữa để xem cấp xã → bấm xã; hoặc dùng **Lọc** → chọn Tên tỉnh, Tên xã → **Áp dụng** (Hình 11 - Hình 13).



Hình 11. Chọn Thành phố Đồng Nai - “Bấm để xem cấp xã”



Hình 12. Bản đồ cấp xã - Xã Thanh Sơn (chăn nuôi lợn)



Hình 13. Bản đồ cấp xã - Xã Hòa Điền (tàu cá)

3.3. Bản đồ điểm và thông tin trạm đo, trạm quan trắc

Đặc điểm: mỗi trạm đo là một biểu tượng (giọt nước với trạm mưa; vòng tròn màu với trạm AQI; biểu tượng nhà máy với trạm phát thải). Số liệu được cập nhật định kỳ từ hệ thống quan trắc; bảng thông tin ghi thời điểm cập nhật (ví dụ “Nguồn Cục KTTV ngày 15/09/2026 09:10”).

Cách dùng: di chuột/chạm vào trạm để xem nhãn nhanh; bấm để mở popup gồm mã trạm, địa điểm, các giá trị đo, thời điểm, nguồn; với trạm mưa có biểu đồ lượng mưa từng 10 phút trong 24 giờ qua (Hình 14 - Hình 16).



Hình 14. Trạm đo mưa - popup và biểu đồ



Hình 15. AQI Tỉnh Gia Lai và các trạm quan trắc



Hình 16. Cụm trạm quan trắc phát thải

3.4. Bản đồ điểm đối tượng, cơ sở

Đặc điểm: thể hiện vị trí các đối tượng quản lý như vườn quốc gia, khu bảo tồn (biểu tượng cò, biểu tượng loài), cơ sở sản xuất phân bón, thuốc BVTV (ghim đỏ), cơ sở an toàn dịch bệnh (huy chương), hồ chứa, điểm cháy rừng (ngọn lửa). Khi nhiều điểm gần nhau, hệ thống gom thành cụm có số đếm; khu vực có mật độ cao được tô màu nóng hơn.

Cách dùng: bấm cụm để phóng to → bấm điểm để xem popup thông tin (Hình 17 - Hình 19).



Hình 17. Cụm cơ sở sản xuất phân bón



Hình 18. Điểm cơ sở ATDB khi phóng to



Hình 19. Popup hồ chứa thủy lợi

3.5. Bản đồ điểm xem camera giám sát

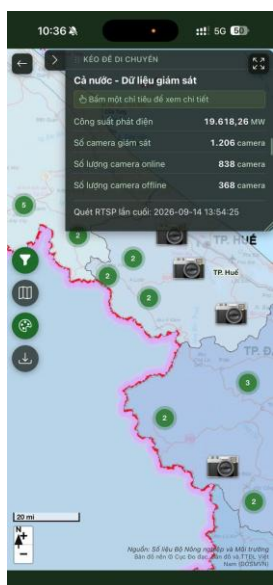
Đặc điểm: thể hiện công trình khai thác tài nguyên nước có lắp camera (biểu tượng máy ảnh). Bảng thông tin cho biết tổng công suất phát điện, số camera giám sát, số camera online/offline và thời điểm quét luồng RTSP gần nhất.

Bước 1: Mở nhóm **Tài nguyên nước** → **Dữ liệu giám sát**.

Bước 2: Bấm cụm để phóng to đến công trình; bấm biểu tượng máy ảnh.

Bước 3: Popup hiển thị loại hình, lưu vực, xã/phường, tỉnh, công suất, số camera, số đang hoạt động/không hoạt động, thời điểm quét, tọa độ và danh sách **Camera hiện trường** (trạng thái “Không hoạt động” hiển thị màu đỏ).

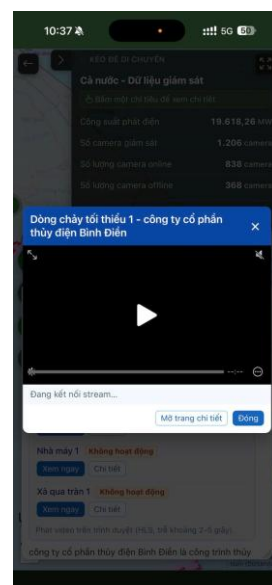
Bước 4: Bấm **Xem ngay** để mở cửa sổ phát video; video phát qua trình duyệt (HLS), trễ khoảng 2-5 giây. Bấm **Mở trang chi tiết** để xem đầy đủ hoặc **Đóng** để tắt.



Hình 20. Vị trí công trình có camera



Hình 21. Popup công trình và danh sách camera



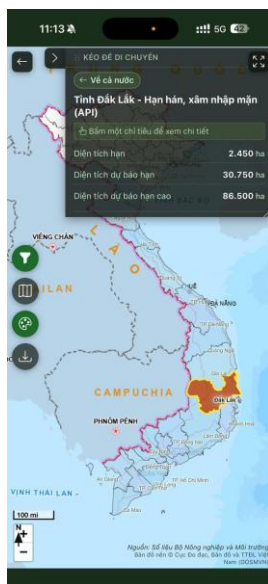
Hình 22. Cửa sổ phát video trực tuyến

3.6. Bản đồ dữ liệu API (cập nhật tự động)

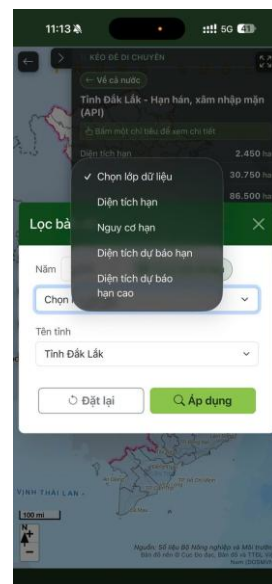
Đặc điểm: các lớp có ghi “(API)” nhận dữ liệu tự động từ hệ thống chuyên ngành, ví dụ **Hạn hán, xâm nhập mặn (API)**, **Ngập lụt, úng (API)**. Bảng thông tin ghi rõ kỳ dữ liệu (ví dụ “Đông Xuân - Vụ Đông Xuân 2026-2027”). Tỉnh có diện tích bị ảnh hưởng được tô màu cảnh báo (đỏ, cam).



Hình 23. Hạn hán, xâm nhập mặn (API) - cả nước



Hình 24. Tỉnh Đắc Lắc - diện tích hạn, dự báo hạn



Hình 25. Lớp: diện tích hạn, nguy cơ hạn, dự báo hạn, dự báo hạn cao

3.7. Liên kết web chuyên ngành

Các thẻ ghi “Liên kết web” mở trang web hoặc phần mềm chuyên ngành của các cục, đơn vị thuộc Bộ và cơ quan liên quan trong tab/cửa sổ mới. MAE-INFO đóng vai

trò công tra cứu tập trung; việc đăng nhập, khai thác trên hệ thống đích tuân theo quy định của hệ thống đó.

4. Hướng dẫn khai thác theo nhóm chuyên đề

Mục này mô tả từng nhóm theo cùng một cấu trúc: giới thiệu; nhóm con; dạng bản đồ; chỉ tiêu chính; cách khai thác; hình minh họa. Ý nghĩa các chỉ tiêu được giải thích tại Tài liệu số 4 - Từ điển.

4.1. Nhóm Thông tin chung

Nhóm Thông tin chung cung cấp bức tranh tổng quan về đất đai, dân số, lao động và kinh tế ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản (NLTS) của cả nước và từng tỉnh, thành phố. Đây là nhóm duy nhất trên trang chủ mở thẳng vào màn hình bản đồ (không qua trang nhóm con) và gồm 15 lớp bản đồ.

Chỉ tiêu chính: Diện tích đất tự nhiên; Đất nông nghiệp 2024 và các loại đất (trồng cây hằng năm, cây lâu năm, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi tập trung, làm muối); Dân số 2025; Mật độ dân số 2025; Lao động từ 15 tuổi trở lên 2025; Tỷ lệ lao động NLTS 2025; GDP NLTS theo giá hiện hành 2025; Tỷ trọng GDP NLTS 2025; Tăng trưởng GDP NLTS 2025 so với 2024. Nguồn: Cục Thống kê - Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4.2. Nhóm Khí tượng Thủy văn

Nhóm Khí tượng Thủy văn cung cấp dữ liệu mưa quan trắc tại các trạm đo và liên kết tới hệ thống cảnh báo, dự báo khí tượng thủy văn quốc gia. Nhóm gồm 4 nhóm con, 7 lớp bản đồ.

Đường dẫn: Trang chủ → Khí tượng Thủy văn

Địa chỉ trang: <http://thongtinnnmt.mae.gov.vn/vn/BanDoNhom.aspx?id=16>

Bảng 2. Nhóm con của nhóm Khí tượng Thủy văn

Nhóm con	Loại	Số bản đồ / Địa chỉ
Mưa	Bản đồ	7
Thời tiết	Liên kết web	Trang Thời tiết của MAE-INFO
Thông tin lũ quét và sạt lở đất	Liên kết web	https://luquetsatlo.nchmf.gov.vn/
Thông tin dự báo Khí tượng thủy văn	Liên kết web	https://www.nchmf.gov.vn/kttv/

Dạng bản đồ: Bản đồ điểm trạm đo mưa (biểu tượng giọt nước) kết hợp tô màu cấp tỉnh; dữ liệu cập nhật từ Cục Khí tượng Thủy văn.

Chỉ tiêu chính: Lượng mưa lớn nhất 24 giờ; Lượng mưa lớn nhất 72 giờ; Lượng mưa lớn nhất 7 ngày (theo tỉnh, có ghi thời điểm cập nhật). Popup trạm: mã trạm, địa điểm, tổng lượng mưa 24 giờ/3 ngày/7 ngày, lượng mưa 10 phút gần nhất, biểu đồ mưa từng 10 phút trong 24 giờ qua. Chú ý, chỉ có những địa bàn có trạm đo mưa thì mới có thông tin về lượng mưa.

Cách khai thác:

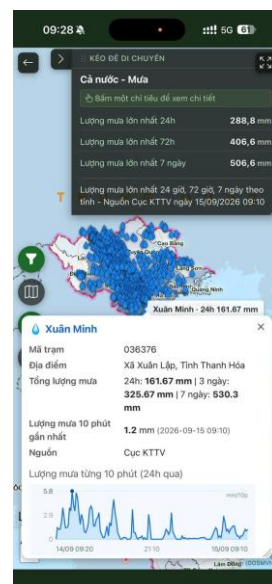
- Chọn nhóm con **Mưa** để mở bản đồ trạm đo.
- Di chuyển, phóng to tới khu vực quan tâm; di chuột/chạm vào biểu tượng giọt nước để xem nhanh (tên trạm, lượng mưa 24h).
- Bấm vào trạm để mở popup chi tiết và biểu đồ lượng mưa từng 10 phút.



Hình 26. Trang nhóm Khí tượng Thủy văn và các nhóm con



Hình 27. Bản đồ trạm đo mưa - “Cả nước - Mưa”



Hình 28. Popup trạm Xuân Minh và biểu đồ mưa 10 phút

4.3. Nhóm Môi trường

Nhóm Môi trường hiển thị chỉ số chất lượng không khí (AQI) và các thông số ô nhiễm tại trạm quan trắc, cùng số liệu trạm quan trắc phát thải khí thải, nước thải tự động. Nhóm gồm 3 nhóm con, 9 lớp bản đồ.

Đường dẫn: Trang chủ → Môi trường

Địa chỉ trang: <http://thongtinnmt.mae.gov.vn/vn/BanDoNhom.aspx?id=13>

Bảng 3. Nhóm con của nhóm Môi trường

Nhóm con	Loại	Số bản đồ / Địa chỉ
Chỉ số chất lượng môi trường AQI	Bản đồ	7
Quan trắc phát thải	Bản đồ	2
Trang thông tin quản lý lĩnh vực Môi trường	Liên kết web	https://vea.mae.gov.vn/

Dạng bản đồ: Bản đồ điểm trạm quan trắc (vòng tròn tô màu theo thang AQI) kết hợp tô màu cấp tỉnh; bản đồ cụm điểm trạm quan trắc phát thải.

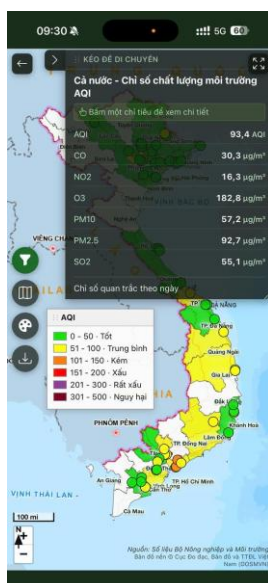
Chỉ tiêu chính: AQI; CO; NO₂; O₃; PM₁₀; PM_{2.5}; SO₂ (chỉ số quan trắc theo ngày). Số trạm khí thải (ngày); Số trạm nước thải (ngày) - số trạm có số liệu trong ngày (EnviSoft). Popup trạm khí thải: loại, bụi PM, NO_x, SO₂, CO, O₂, ngày đo, tỉnh, mã trạm, tọa độ.

Cách khai thác:

- Mở **Chỉ số chất lượng môi trường AQI**; bấm nút bảng màu để hiện thang AQI 6 mức (Tốt - Trung bình - Kém - Xấu - Rất xấu - Nguy hại).
- Bấm vào tỉnh để xem giá trị AQI và các thông số của tỉnh; bấm **Về cả nước** để quay lại.
- Mở **Quan trắc phát thải**: các số trong vòng tròn xanh là số trạm trong cụm; phóng to để tách cụm, bấm vào biểu tượng nhà máy để xem số liệu đo của từng trạm.



Hình 29. Bản đồ AQI cả nước theo trạm quan trắc



Hình 30. Chú giải thang AQI 6 mức



Hình 31. Popup trạm quan trắc khí thải tự động

4.4. Nhóm Đất đai

Nhóm Đất đai phục vụ tra cứu hiện trạng sử dụng đất năm 2024 và chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2030, liên kết tới hệ thống thống kê làm sạch dữ liệu đất đai và bản đồ kiểm kê đất đai. Nhóm gồm 3 nhóm con, 24 lớp bản đồ.

Đường dẫn: Trang chủ → Đất đai

Địa chỉ trang: <http://thongtinnnmt.mae.gov.vn/vn/BanDoNhom.aspx?id=10>

Bảng 4. Nhóm con của nhóm Đất đai

Nhóm con	Loại	Số bản đồ / Địa chỉ
Hiện trạng SĐĐ 2024 và Quy hoạch 2030	Bản đồ	24
Thống kê hiện trạng làm sạch dữ liệu đất đai	Liên kết web	https://kh2959-vnlis.mae.gov.vn/
Bản đồ kiểm kê đất đai	Liên kết web	https://maps.gdla.gov.vn/

Dạng bản đồ: Bản đồ dữ liệu cấp tỉnh; một số lớp có dữ liệu cấp xã (bộ lọc có ô Tên xã).

Chỉ tiêu chính: I. Nhóm đất nông nghiệp (đất trồng cây hằng năm - trong đó đất trồng lúa, đất chuyên trồng lúa, đất trồng lúa còn lại, đất trồng cây hằng năm khác; đất trồng cây lâu năm; đất lâm nghiệp; đất nuôi trồng thủy sản; đất chăn nuôi tập trung; đất làm muối; đất nông nghiệp khác). II. Nhóm đất phi nông nghiệp. III. Quy hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2030 (đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đất quốc phòng, đất an ninh).

Cách khai thác:

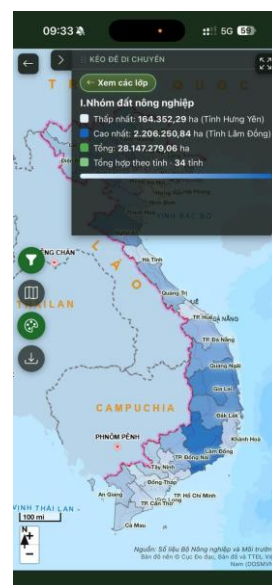
- Mở **Hiện trạng SDD 2024 và Quy hoạch 2030**; bảng thông tin cả nước liệt kê diện tích theo từng loại đất.
- Bấm tỉnh để xem cơ cấu sử dụng đất của tỉnh (ví dụ Tỉnh Lâm Đồng).
- Bấm một chỉ tiêu → **Xem các lớp** để xem giá trị thấp nhất, cao nhất, tổng và số tỉnh có dữ liệu.



Hình 32. Bảng hiện trạng SDD 2024 và quy hoạch 2030 cả nước



Hình 33. Chọn Tỉnh Lâm Đồng trên bản đồ



Hình 34. Tóm tắt lớp “Nhóm đất nông nghiệp”: thấp nhất, cao nhất, tổng

4.5. Nhóm Tài nguyên nước

Nhóm Tài nguyên nước cung cấp thông tin tài nguyên nước dưới đất, công trình khai thác, sử dụng nước, lưu vực sông, hồ chứa và dữ liệu giám sát bằng camera tại công trình. Nhóm gồm 6 nhóm con, 24 lớp bản đồ.

Đường dẫn: Trang chủ → Tài nguyên nước

Địa chỉ trang: <http://thongtinnnmt.mae.gov.vn/vn/BanDoNhom.aspx?id=11>

Bảng 5. Nhóm con của nhóm Tài nguyên nước

Nhóm con	Loại	Số bản đồ / Địa chỉ
Tài nguyên nước dưới đất	Bản đồ	4

Nhóm con	Loại	Số bản đồ / Địa chỉ
Số lượng công trình KTSD nước	Bản đồ	9
Lưu vực sông	Bản đồ	6
Thông tin dữ liệu tài nguyên nước	Liên kết web	https://nwr.is.dwr.gov.vn/
Dữ liệu giám sát	Bản đồ	4
Hồ chứa	Bản đồ	1

Dạng bản đồ: Bản đồ dữ liệu cấp tỉnh; bản đồ lưu vực sông; **bản đồ điểm camera giám sát** có xem video trực tuyến.

Chỉ tiêu chính: Tổng tài nguyên tiềm năng nước; tài nguyên tiềm năng nước ngọt, nước mặn; trữ lượng nước ngọt có thể khai thác. Tổng số công trình KTSD nước và theo loại (trạm bơm, hồ thủy điện, hồ chứa thủy lợi, đập dâng, giếng khoan, cống, công trình khai thác nước mặt khác, công trình khác nước dưới đất). Các lưu vực sông. Dữ liệu giám sát: công suất phát điện, số camera giám sát, số camera online/offline, thời điểm quét RTSP lần cuối.

Cách khai thác:

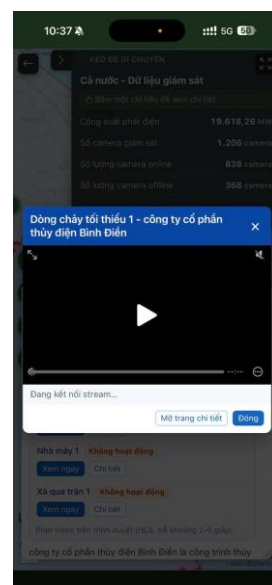
- Mở **Dữ liệu giám sát**; biểu tượng máy ảnh là vị trí công trình có camera, vòng tròn số là cụm công trình.
- Bấm vào công trình để xem loại hình, lưu vực, địa bàn, công suất, số camera hoạt động/không hoạt động và danh sách **Camera hiện trường**.
- Bấm **Xem ngay** để phát video (HLS, trễ khoảng 2-5 giây); bấm **Chi tiết** hoặc **Mở trang chi tiết** để xem thêm; **Đóng** để tắt.



Hình 35. Bản đồ “Dữ liệu giám sát”- cụm công trình có camera



Hình 36. Popup công trình thủy điện và danh sách camera



Hình 37. Cửa sổ phát video camera “Dòng chảy tối thiểu”

4.6. Nhóm Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học

Nhóm Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH hiển thị hệ thống khu bảo tồn (vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan) và liên kết tới cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia. Nhóm gồm 3 nhóm con, 8 lớp bản đồ.

Đường dẫn: Trang chủ → Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học

Địa chỉ trang: <http://thongtinnmt.mae.gov.vn/vn/BanDoNhom.aspx?id=15>

Bảng 6. Nhóm con của nhóm Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học

Nhóm con	Loại	Số bản đồ / Địa chỉ
Khu đa dạng sinh học	Bản đồ	8
CSDL Đa dạng sinh học Quốc gia	Liên kết web	https://dadangsinhhoc.mae.gov.vn/
Thông tin quản lý BTTN và ĐDSH	Liên kết web	https://nbca.gov.vn

Dạng bản đồ: Bản đồ dữ liệu cấp tỉnh kết hợp **bản đồ điểm** (biểu tượng cờ cho vườn quốc gia, biểu tượng loài cho khu bảo tồn).

Chỉ tiêu chính: Số lượng và tổng diện tích: vườn quốc gia; khu bảo tồn loài, sinh cảnh; khu bảo vệ cảnh quan; khu dự trữ thiên nhiên. Popup: loại hình, mã định danh, cấp, năm thành lập, địa chỉ, diện tích, cơ quan quản lý, vùng, tọa độ, ghi chú, mô tả.

Cách khai thác:

- Mở **Khu đa dạng sinh học**; bấm một chỉ tiêu (ví dụ “Số lượng Vườn quốc gia”) để hiện các điểm tương ứng.
- Bấm vào biểu tượng để xem thông tin chi tiết khu bảo tồn.
- Lưu ý ghi chú “tọa độ ước lượng” trong popup: vị trí điểm mang tính chỉ dẫn, ranh giới chính thức xem tại hệ thống quản lý chuyên ngành.



Hình 38. Bản đồ điểm vườn quốc gia (biểu tượng cờ)



Hình 39. Popup Vườn quốc gia Chư Mom Ray



Hình 40. Popup Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Lý Sơn

4.7. Nhóm Biến đổi khí hậu

Nhóm Biến đổi khí hậu trình bày kịch bản nhiệt độ trung bình và kịch bản tỷ lệ ngập theo các kịch bản phát thải SSP2-4.5 và SSP3-7.0 cho các giai đoạn giữa và cuối thế kỷ. Nhóm gồm 3 nhóm con, 12 lớp bản đồ.

Đường dẫn: Trang chủ → Biến đổi khí hậu

Địa chỉ trang: <http://thongtinnnmt.mae.gov.vn/vn/BanDoNhom.aspx?id=14>

Bảng 7. Nhóm con của nhóm Biến đổi khí hậu

Nhóm con	Loại	Số bản đồ / Địa chỉ
Kịch bản nhiệt độ	Bản đồ	4
Kịch bản ngập, lụt	Bản đồ	8
Thông tin quản lý lĩnh vực BDKH	Liên kết web	https://dcc.mae.gov.vn/

Dạng bản đồ: Bản đồ dữ liệu cấp tỉnh (tô màu theo giá trị kịch bản).

Chỉ tiêu chính: Nhiệt độ trung bình theo SSP2-4.5 và SSP3-7.0 các giai đoạn 2041–2060, 2081–2100; Tỷ lệ ngập theo SSP2-4.5 và SSP3-7.0 các mốc 2050, 2100.

Cách khai thác:

- Chọn lớp theo cặp “kịch bản - giai đoạn” trong **Chọn lớp dữ liệu** để so sánh.
- Kết hợp với nhóm Đất đai, Trồng trọt để đánh giá mức độ phơi nhiễm của vùng sản xuất.

4.8. Nhóm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

Nhóm Trồng trọt và BVTV là nhóm có nhiều bản đồ nhất, theo dõi diện tích, năng suất, sản lượng các cây trồng chủ lực và cơ sở đủ điều kiện sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Nhóm gồm 12 nhóm con, 66 lớp bản đồ.

Đường dẫn: Trang chủ → Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

Địa chỉ trang: <http://thongtinnmt.mae.gov.vn/vn/BanDoNhom.aspx?id=2>

Bảng 8. Nhóm con của nhóm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

Nhóm con	Loại	Số bản đồ / Địa chỉ
Lúa gạo	Bản đồ	6
Cà phê	Bản đồ	4
Hồ tiêu	Bản đồ	4
Cao su	Bản đồ	4
Điêu	Bản đồ	4
Chè	Bản đồ	4
Cây ăn quả (xoài, thanh long, chuối, nhãn, mít, sầu riêng, vải)	Nhóm con cấp 2	7 nhóm, 28
Cây mía	Bản đồ	4
Cây sắn	Bản đồ	4
Cơ sở được cấp GCN đủ điều kiện sản xuất phân bón (đến hết 8/2025)	Bản đồ	2
Cơ sở được cấp GCN đủ điều kiện sản xuất thuốc BVTV (đến 6/2026)	Bản đồ	2
Các trang liên kết chuyên ngành TT và BVTV: Trang thông tin hỗ trợ xuất khẩu; Thông tin quản lý ngành TT và BVTV	Liên kết web	https://sansangxuatkhai.ppd.gov.vn/ https://www.ppd.gov.vn/

Dạng bản đồ: Bản đồ dữ liệu cấp tỉnh và **cấp xã** (cây trồng); **bản đồ điểm cơ sở** (phân bón, thuốc BVTV) có gom cụm.

Chỉ tiêu chính: Diện tích gieo trồng, năng suất, sản lượng lúa cả năm; diện tích gieo trồng và sản lượng từng cây (cà phê, hồ tiêu, cao su, điêu, chè, mía, xoài, thanh long, chuối, nhãn, mít, sầu riêng, vải, sắn). Số cơ sở chứng nhận và tổng công suất phân bón, thuốc BVTV. Nguồn: MAE, Cục Thống kê.

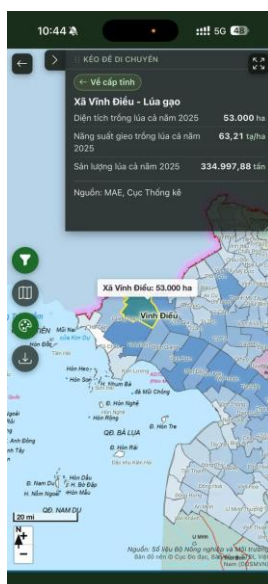
Cách khai thác:

- Mở nhóm con cây trồng (ví dụ **Lúa gạo**); bảng thông tin hiển thị số liệu cả nước.
- Bấm tỉnh (ví dụ An Giang) → nhấn “Tỉnh An Giang · Bấm để xem cấp xã” → bấm lần nữa để hiện bản đồ cấp xã; bấm xã để xem số liệu xã; bấm **Về cấp tỉnh** để quay lại.

- Mở nhóm cơ sở phân bón: bấm cụm số để phóng to, bấm biểu tượng ghim đồ để xem thông tin doanh nghiệp (mã số DN, địa chỉ sản xuất, trụ sở, công suất, công suất hữu cơ, tọa độ).



Hình 41. Lúa gạo - số liệu cả nước



Hình 42. Lúa gạo - số liệu cấp xã (Xã Vĩnh Điều)



Hình 43. Popup cơ sở sản xuất phân bón

4.9. Nhóm Chăn nuôi và Thú y

Nhóm Chăn nuôi và Thú y theo dõi đàn vật nuôi, dịch bệnh và cơ sở chăn nuôi trên cả nước; gồm 11 nhóm con, 49 lớp bản đồ.

Đường dẫn: Trang chủ → Chăn nuôi và Thú y

Địa chỉ trang: <http://thongtinnmt.mae.gov.vn/vn/BanDoNhom.aspx?id=3>

Bảng 9. Nhóm con của nhóm Chăn nuôi và Thú y

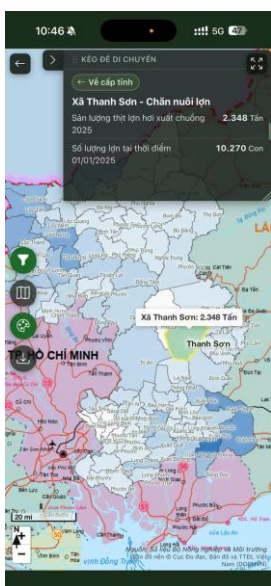
Nhóm con	Loại	Số bản đồ / Địa chỉ
Chăn nuôi lợn	Bản đồ	4
Chăn nuôi trâu	Bản đồ	4
Chăn nuôi bò thịt	Bản đồ	4
Chăn nuôi gia cầm	Bản đồ	4
Công ty thuốc thú y	Bản đồ	2
Công ty Thức ăn chăn nuôi	Bản đồ	3
Dịch bệnh (Lở mồm long móng, Cúm gia cầm, Dịch tả lợn châu Phi)	Nhóm con cấp 2	21
Cơ sở giết mổ tập trung	Bản đồ	5
Cơ sở An toàn dịch bệnh	Bản đồ	2
CSDL quốc gia về thuốc thú y (VMPS)	Liên kết web	http://171.244.133.106/DAH/account/login
Hệ thống quản lý thông tin dịch bệnh (VAHIS)	Liên kết web	https://vahis.vn/

Dạng bản đồ: Bản đồ dữ liệu cấp tỉnh và cấp xã (đàn vật nuôi); bản đồ điểm cơ sở (thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, giết mổ, cơ sở ATDB - biểu tượng huy chương).

Chỉ tiêu chính: Số lượng lợn, trâu, bò, gia cầm 2025; sản lượng thịt hơi (xuất chuồng) 2025; số doanh nghiệp, tổng sản lượng thuốc thú y; số nhà máy, tổng sản lượng và tổng công suất thiết kế thức ăn chăn nuôi; chỉ tiêu dịch bệnh (tổng mắc, tổng chết, tổng chết – hủy, số xã/thôn/hộ có dịch, số ổ dịch); số cơ sở giết mổ tập trung theo loài; số cơ sở chứng nhận ATDB, số lượt bệnh được cấp GCN cơ sở/vùng ATDB.

Cách khai thác:

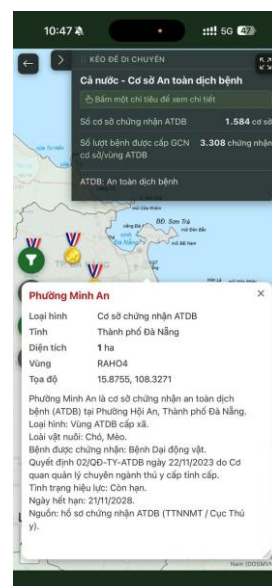
- Mở **Chăn nuôi lợn**; bấm tỉnh, sau đó bấm để xem cấp xã (ví dụ Thành phố Đồng Nai → Xã Thanh Sơn).
- Có thể dùng **Lọc bản đồ**: chọn Năm, Tên tỉnh, Tên xã (tùy chọn) → **Áp dụng**.
- Mở **Cơ sở An toàn dịch bệnh**: phóng to để thấy từng biểu tượng huy chương; bấm để xem loại hình, loài vật nuôi, bệnh được chứng nhận, quyết định, ngày hết hạn.



Hình 44. Chăn nuôi lợn - số liệu cấp xã



Hình 45. Bản đồ cụm cơ sở An toàn dịch bệnh



Hình 46. Popup cơ sở chứng nhận ATDB

4.10. Nhóm Lâm nghiệp và Kiểm lâm

Nhóm Lâm nghiệp và Kiểm lâm phục vụ bảo vệ rừng, quản lý diện tích lâm nghiệp và theo dõi điểm cháy rừng; gồm 6 nhóm con, 20 lớp bản đồ.

Đường dẫn: Trang chủ → Lâm nghiệp và Kiểm lâm

Địa chỉ trang: <http://thongtinnnmt.mae.gov.vn/vn/BanDoNhom.aspx?id=4>

Bảng 10. Nhóm con của nhóm Lâm nghiệp và Kiểm lâm

Nhóm con	Loại	Số bản đồ / Địa chỉ
Hiện trạng rừng	Bản đồ	16
Cháy rừng	Bản đồ	4
Hệ thống Forestry 4.0	Liên kết web	https://4forestry.ifee.edu.vn/
Trang thống kê tài nguyên rừng	Liên kết web	https://nen.vnforest.gov.vn/
Trang quản lý cháy rừng và mất rừng	Liên kết web	https://v2.pcccr.vn/
Trang thông tin quản lý lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Liên kết web	https://vnforest.gov.vn/

Dạng bản đồ: Bản đồ dữ liệu cấp tỉnh và cấp xã; biểu tượng ngọn lửa đánh dấu điểm cháy.

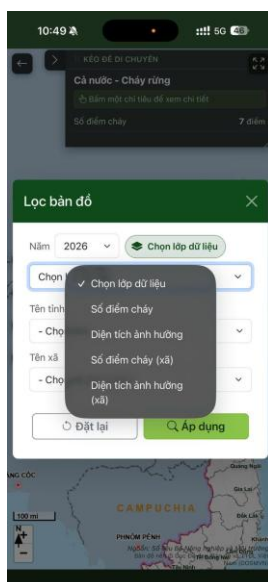
Chỉ tiêu chính: Diện tích rừng trồng đã thành rừng 2025; Tỷ lệ che phủ rừng 2025; Số điểm cháy, diện tích ảnh hưởng (theo tỉnh và theo xã) - nguồn Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, có ghi ngày cập nhật.

Cách khai thác:

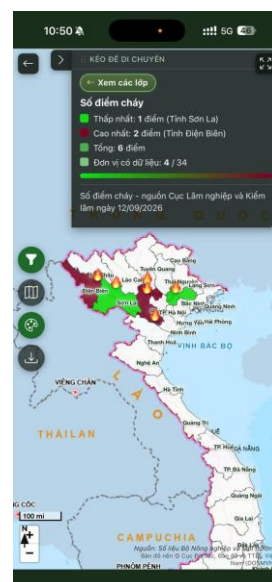
- Mở **Cháy rừng**; các tỉnh có điểm cháy được tô màu, biểu tượng ngọn lửa thể hiện vị trí.
- Dùng **Chọn lớp dữ liệu** để chuyển giữa Số điểm cháy, Diện tích ảnh hưởng, Số điểm cháy (xã), Diện tích ảnh hưởng (xã).
- Bấm **Xem các lớp** để biết tỉnh có số điểm cháy thấp nhất, cao nhất và tổng số điểm.



Hình 47. Bản đồ điểm cháy rừng



Hình 48. Chọn lớp dữ liệu cháy rừng



Hình 49. Tóm tắt lớp “Số điểm cháy”

4.11. Nhóm Thủy sản và Kiểm ngư

Nhóm Thủy sản và Kiểm ngư quản lý thông tin khai thác, nuôi trồng thủy sản và đội tàu cá; liên kết tới các phần mềm chuyên ngành thủy sản. Nhóm gồm 6 nhóm con, 20 lớp bản đồ.

Đường dẫn: Trang chủ → Thủy sản và Kiểm ngư

Địa chỉ trang: <http://thongtinnmt.mae.gov.vn/vn/BanDoNhom.aspx?id=5>

Bảng 11. Nhóm con của nhóm Thủy sản và Kiểm ngư

Nhóm con	Loại	Số bản đồ / Địa chỉ
Khai thác	Bản đồ	5
Nuôi trồng	Bản đồ	5
Thống kê tàu cá	Bản đồ	10
Phần mềm giám sát tàu cá (VMS)	Liên kết web	https://gstc.tongcucthuysan.gov.vn
Cơ sở dữ liệu nghề cá (Vnfishbase)	Liên kết web	https://vnf.tongcucthuysan.gov.vn
Truy xuất nguồn gốc (eCDT)	Liên kết web	https://cdt.tongcucthuysan.gov.vn

Dạng bản đồ: Bản đồ dữ liệu cấp tỉnh và cấp xã.

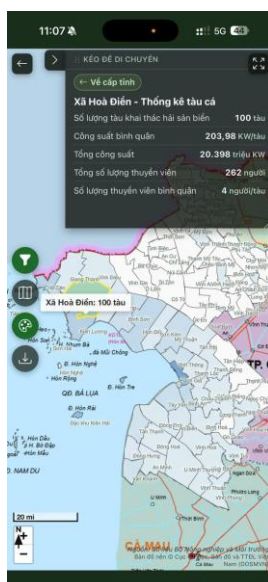
Chỉ tiêu chính: Sản lượng thủy sản (cả nuôi và khai thác), sản lượng khai thác, sản lượng cá biển khai thác; số tàu khai thác thủy sản biển có công suất từ 90 CV và tổng công suất; diện tích thu hoạch thủy sản, sản lượng nuôi trồng, sản lượng cá nuôi, tôm nuôi; số lượng tàu khai thác hải sản biển, tổng công suất, công suất bình quân, tổng số thuyền viên, số thuyền viên bình quân.

Cách khai thác:

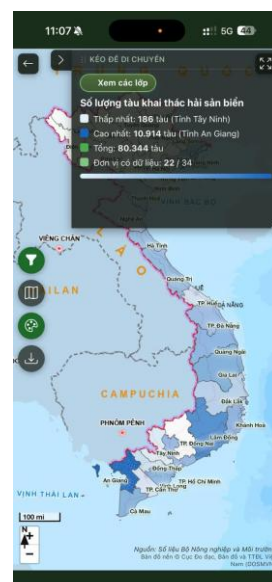
- Mở **Thống kê tàu cá**; bấm tỉnh ven biển (ví dụ An Giang) rồi bấm để xem cấp xã (ví dụ Xã Hòa Điền).
- Dùng **Xem các lớp** để so sánh tỉnh có số tàu thấp nhất/cao nhất.



Hình 50. Thống kê tàu cá - cả nước



Hình 51. Thống kê tàu cá - cấp xã



Hình 52. Tóm tắt lớp số lượng tàu khai thác hải sản biển

4.12. Nhóm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

Nhóm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường cung cấp thông tin cơ sở chế biến nông lâm thủy sản, chứng nhận chất lượng (hữu cơ, VietGAP, VietGAHP) và an toàn thực phẩm. Nhóm gồm 4 nhóm con, 17 lớp bản đồ.

Đường dẫn: Trang chủ → Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

Địa chỉ trang: <http://thongtinnmt.mae.gov.vn/vn/BanDoNhom.aspx?id=9>

Bảng 12. Nhóm con của nhóm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

Nhóm con	Loại	Số bản đồ / Địa chỉ
Chế biến	Bản đồ	6
Chất lượng và đánh giá phù hợp (đến tháng 6/2025)	Bản đồ	5
An toàn thực phẩm	Bản đồ	6
Thông tin quản lý	Liên kết web	https://nafiqpm.mae.gov.vn/

Dạng bản đồ: Bản đồ dữ liệu cấp tỉnh.

Chỉ tiêu chính: Tổng số cơ sở chế biến NLTS; số DN lớn, nhỏ, vừa; số hộ chế biến; số HTX. Số cơ sở và diện tích chứng nhận hữu cơ; diện tích trồng trọt, nuôi trồng thủy sản được cấp GCN VietGAP và tương đương; số trang trại và hộ chăn nuôi được cấp GCN VietGAHP và tương đương. Chỉ tiêu ATTP: tổng số cơ sở SXKD NLTS, số được cấp GCN ATTP, tỷ lệ, số cơ sở thanh tra theo kế hoạch, số vi phạm, số bị phạt tiền.

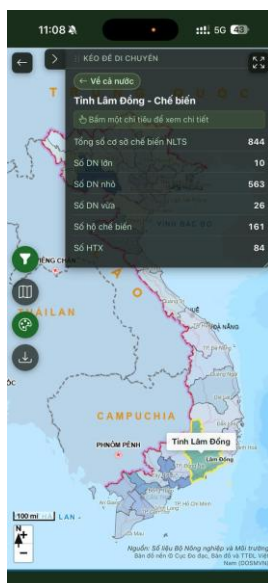
Cách khai thác:

- Mở **Chế biến**; bấm tỉnh để xem cơ cấu cơ sở chế biến theo quy mô.

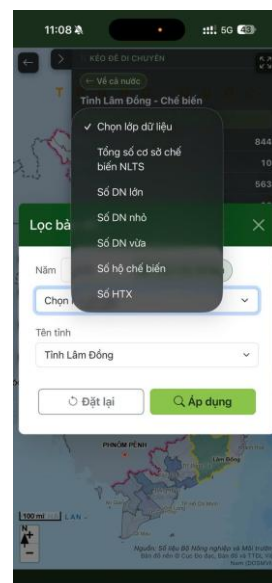
- Dùng **Lọc bản đồ** → **Chọn lớp dữ liệu** để tô màu theo từng loại hình cơ sở.



Hình 53. Chê biến - số liệu cả nước



Hình 54. Chê biến - Tỉnh Lâm Đồng



Hình 55. Chọn lớp dữ liệu nhóm Chê biến

4.13. Nhóm Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

Nhóm Kinh tế hợp tác và PTNT gồm thông tin HTX, tổ hợp tác, trang trại, cơ điện và cơ giới hóa, đào tạo nghề, ngành nghề và làng nghề, diêm nghiệp, bố trí dân cư nông thôn. Nhóm gồm 8 nhóm con, 68 lớp bản đồ.

Đường dẫn: Trang chủ → Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

Địa chỉ trang: <http://thongtinnmt.mae.gov.vn/vn/BanDoNhom.aspx?id=8>

Bảng 13. Nhóm con của nhóm Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

Nhóm con	Loại	Số bản đồ / Địa chỉ
Hợp tác xã	Bản đồ	11
Tổ hợp tác	Bản đồ	10
Trang trại	Bản đồ	8
Cơ điện nông nghiệp, nông thôn	Bản đồ	5
Đào tạo nghề	Bản đồ	10
Ngành nghề và làng nghề	Bản đồ	4
Diêm nghiệp	Bản đồ	15
Bố trí dân cư nông thôn	Bản đồ	5

Dạng bản đồ: Bản đồ dữ liệu cấp tỉnh.

Chỉ tiêu chính: Tổng số HTX NN và theo lĩnh vực (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp, nước sạch nông thôn, dịch vụ tổng hợp), tổng số thành viên; tương tự với tổ hợp tác; tổng số trang trại NLTs và theo lĩnh vực; số máy móc, thiết bị nông nghiệp; số lượt đào tạo nghề sơ cấp, dưới 3 tháng; số nghề truyền thống,

làng nghề, làng nghề truyền thống; diện tích, sản lượng, tồn dư, tiêu thụ, chế biến muối, số hộ và lao động làm muối; số hộ được bố trí ổn định theo vùng.

4.14. Nhóm Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi

Nhóm Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi cung cấp thông tin nước sạch nông thôn, hồ chứa thủy lợi, hạn hán – xâm nhập mặn và ngập lụt, ứng (dữ liệu API). Nhóm gồm 5 nhóm con, 25 lớp bản đồ.

Đường dẫn: Trang chủ → Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi

Địa chỉ trang: <http://thongtinnmt.mae.gov.vn/vn/BanDoNhom.aspx?id=6>

Bảng 14. Nhóm con của nhóm Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi

Nhóm con	Loại	Số bản đồ / Địa chỉ
Nước sạch nông thôn	Bản đồ	11
Hồ chứa thủy lợi	Bản đồ	8
Hạn hán, xâm nhập mặn (API)	Bản đồ	4
Ngập lụt, ứng (API)	Bản đồ	2
Hệ thống thông tin thủy lợi Việt Nam	Liên kết web	https://thuyloivietnam.gov.vn/

Dạng bản đồ: Bản đồ dữ liệu cấp tỉnh; bản đồ điểm hồ chứa; bản đồ dữ liệu API (hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt).

Chỉ tiêu chính: Tổng số hộ nông thôn; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn; tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình quy mô hộ gia đình, từ công trình tập trung; tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, chưa được sử dụng nước hợp vệ sinh. Tổng dung tích theo thiết kế; số hồ chứa đặc biệt quan trọng, lớn, vừa, nhỏ; hồ chứa có cửa van; dung tích hiện tại. Diện tích hạn; nguy cơ hạn; diện tích dự báo hạn; diện tích dự báo hạn cao (theo vụ).

Cách khai thác:

- Mở **Hồ chứa thủy lợi**; bấm điểm hồ để xem loại, tỉnh, dung tích, mục đích, tọa độ và mô tả.
- Mở **Hạn hán, xâm nhập mặn (API)**: tỉnh có diện tích hạn được tô đỏ; bảng thông tin ghi rõ vụ sản xuất (ví dụ vụ Đông Xuân 2026–2027).



Hình 56. Nước sạch nông thôn - cả nước



Hình 57. Popup hồ chứa Tả Trạch



Hình 58. Hạn hán, xâm nhập mặn (API)

4.15. Nhóm Biển và Hải đảo

Nhóm Biển và Hải đảo hiển thị hiện trạng giao khu vực biển theo mục đích sử dụng; gồm 2 nhóm con, 8 lớp bản đồ.

Đường dẫn: Trang chủ → Biển và Hải đảo

Địa chỉ trang: <http://thongtinnmt.mae.gov.vn/vn/BanDoNhom.aspx?id=17>

Bảng 15. Nhóm con của nhóm Biển và Hải đảo

Nhóm con	Loại	Số bản đồ / Địa chỉ
Hiện trạng giao biển	Bản đồ	8
Thông tin quản lý lĩnh vực Biển và Hải đảo	Liên kết web	https://vasi.mae.gov.vn/

Dạng bản đồ: Bản đồ dữ liệu cấp tỉnh (tỉnh ven biển).

Chỉ tiêu chính: Tổng diện tích giao biển; diện tích giao để nhận chìm; làm cảng biển, cảng nổi; xây dựng cáp treo, công trình nổi, ngầm; xây dựng hệ thống đường ống dẫn ngầm; nuôi trồng thủy sản, xây dựng cảng cá; khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều; mục đích khác. Nguồn: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, số liệu các tỉnh đến hết tháng 6/2026.

Cách khai thác:

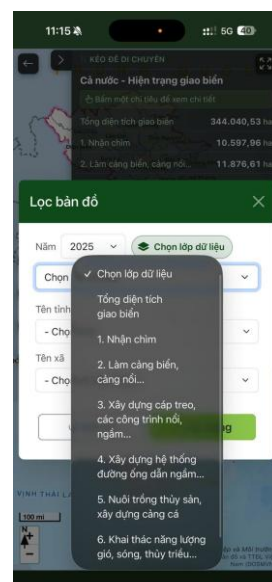
- Mở **Hiện trạng giao biển**; bấm tỉnh ven biển để xem cơ cấu diện tích giao theo mục đích.



Hình 59. Trang nhóm Biển và Hải đảo



Hình 60. Hiện trạng giao biên cả nước



Hình 61. Chọn lớp dữ liệu giao biên

4.16. Nhóm Đề điều và Phòng, chống thiên tai

Nhóm Đề điều và PCTT cung cấp thông tin hiện trạng đề điều, kè bờ biển, bờ sông, lượng mưa và liên kết tới các hệ thống giám sát thiên tai. Nhóm gồm 7 nhóm con, 21 lớp bản đồ.

Đường dẫn: Trang chủ → Đề điều và Phòng, chống thiên tai

Địa chỉ trang: <http://thongtinnmt.mae.gov.vn/vn/BanDoNhom.aspx?id=7>

Bảng 16. Nhóm con của nhóm Đề điều và Phòng, chống thiên tai

Nhóm con	Loại	Số bản đồ / Địa chỉ
Hiện trạng đề điều	Bản đồ	7
Kè bờ biển, bờ sông	Bản đồ	4
Sự kiện thiên tai đang diễn ra (VNDMS)	Liên kết web	https://vndms.gov.vn/
Mưa	Bản đồ	9
CSDL quản lý đề điều	Liên kết web	https://webgis.dedieu.gov.vn/
Bản đồ sạt lở bờ sông và xói lở bờ biển	Liên kết web	https://satlo.dmpctc.gov.vn/
Ứng dụng hướng dẫn phòng, chống thiên tai	Nhóm con cấp 2	—

Dạng bản đồ: Bản đồ dữ liệu cấp tỉnh; bản đồ trạm đo mưa.

Chỉ tiêu chính: Tổng số km đề các loại; chiều dài đề cấp đặc biệt, cấp I, II, III; số lượng đề trọng điểm; số lượng đề sự cố. Tổng số công trình và tổng chiều dài kè bờ biển, kè bờ sông. Lượng mưa lớn nhất 24h, 72h, 7 ngày.

Cách khai thác:

- Mở **Hiện trạng đề điều**; bấm chỉ tiêu cấp đề để tô màu theo chiều dài đề cấp đó.

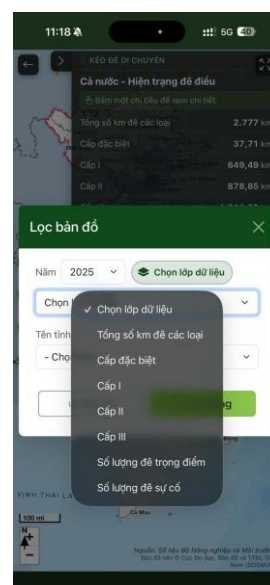
- Mở **Sự kiện thiên tai đang diễn ra (VNDMS)** để theo dõi bão, lũ, sạt lở đang diễn ra trên hệ thống giám sát thiên tai.



Hình 62. Trang nhóm Đề điều và PCTT



Hình 63. Hiện trạng đề điều - cả nước



Hình 64. Chọn lớp dữ liệu đề điều

4.17. Các nhóm liên kết khác

Bốn nhóm cuối danh mục chủ yếu là cổng liên kết tới hệ thống chuyên ngành:

Bảng 17. Các nhóm liên kết khác

Nhóm	Loại	Địa chỉ	Nội dung
Đo đạc bản đồ và thông tin địa lý	Liên kết web	https://vnsdi.mae.gov.vn	Hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia
Viễn thám	2 nhóm con (liên kết web)	https://dulieuvientham.gov.vn/ https://nrds.mae.gov.vn/	Dữ liệu ảnh viễn thám; Hệ thống thông tin quản lý lĩnh vực viễn thám
Hệ thống truy xuất nguồn gốc	Liên kết web	https://traceviet.mae.gov.vn/	Tra cứu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm
Khuyến nông	3 nhóm con	https://phiencho.khuyennongvn.gov.vn/ https://khuyennongvn.gov.vn/	Phiên chợ khuyến nông; Phần mềm Khuyến nông xanh (2 nhóm con); Trung tâm Khuyến nông quốc gia

5. Lưu ý khi khai thác và sử dụng số liệu

- Luôn kiểm tra **năm dữ liệu**, **đơn vị tính** và **đồng nguồn** trên bảng thông tin trước khi trích dẫn số liệu.

- Đơn vị hành chính được thể hiện theo địa giới **sau sắp xếp năm 2025**; khi so sánh với số liệu trước sắp xếp cần quy đổi tương ứng.
- Số liệu dạng API và trạm đo thay đổi theo thời gian thực; khi dùng cho báo cáo cần ghi rõ thời điểm truy xuất.
- Tọa độ các điểm có ghi “ước lượng” chỉ mang tính tham khảo vị trí.
- Khi phát hiện sai lệch số liệu, người dùng phản hồi cho đơn vị quản trị hệ thống kèm ảnh chụp (có thể dùng nút tải PNG).